

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 27 tháng 02 năm 2013.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ này không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ về các rủi ro và mức độ rủi ro trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VFMVFB)

(Giấy phép lập quỹ số 04/GCN-UBCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 10/06/2013)

Bản cáo bạch này được cập nhật lần thứ 2 và có hiệu lực kể từ ngày 09/04/2014

Tổ chức phát hành:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management)

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

- Chi nhánh Hà Nội:

Phòng 5A2, tầng 5A, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

- Bản cáo bạch này được cung cấp tại địa điểm đăng ký của các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ VFMVFB theo danh sách trong Phụ lục I của Bản Cáo Bạch này

- Bản cáo bạch được cập nhật ít nhất sáu (06) tháng một (01) lần.

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông PHẠM KHÁNH LYNH – Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) - sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVFB. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ VFMVFB được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ VFMVFB được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty Quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ VFMVFB do Công ty Quản lý quỹ và các đại lý phân phối được Công ty Quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ VFMVFB không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức phát hành	5
2. Ngân hàng giám sát	5
II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA	6
III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	10
1. Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam	10
2. Cơ hội đầu tư vào Quỹ Trái phiếu dạng mở	11
IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VFMVFB	15
1. Thông tin chung về Quỹ VFMVFB	15
2. Tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFB.....	16
3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ	17
4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ.....	19
V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ.....	21
1. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ	21
2. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ	22
3. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ.....	22
4. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ.....	23
5. Thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở	23
6. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	24
7. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế.....)	25
8. Người được uỷ quyền từ nhà đầu tư.....	25
9. Quy định khác về việc thực hiện đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở VFMVFB	25
10. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ.....	25
VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC	26
1. Thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ VFM	26
2. Tổ chức tư vấn đầu tư - Dragon Capital Debt Management.....	28
3. Ngân Hàng Giám Sát	28
4. Công ty Kiểm Toán.....	28
5. Tổ Chức Được Uỷ Quyền	29
VII. DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ.....	29
VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	29
1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	29

2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng	29
IX. PHÍ, LỆ PHÍ CỦA QUỸ.....	33
1. Các loại phí do nhà đầu tư trả	33
2. Các loại phí do Quỹ trả.....	34
3. Các chỉ tiêu hoạt động.....	36
X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ	37
1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ.....	37
2. Phân phối lợi nhuận	37
XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	38
XII. Căn cứ pháp lý.....	38
XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	39
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ.....	39
XV. CAM KẾT	40
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	40
PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUỸ TRÁI PHIẾU VdEF THÁNG 12/2013.....	41
PHỤ LỤC 2 : DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ VFMVFB VIỆT NAM (VFMVFB).....	42

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: 08 3825 1488 Fax: 08 3825 1489

Ông DOMINIC SCRIVEN Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông TRẦN THANH TÂN Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH Chức vụ: Giám đốc tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông TRI PHẠM

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty VFM lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Hồ Chí Minh cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ VFMVFB) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
“Quỹ trái phiếu”	Là quỹ mở đầu tư vào các loại trái phiếu, giấy tờ có giá với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty Quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty Quản lý quỹ VFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ VFMVFB.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng, là cổ đông sáng lập của Công ty Quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty Quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Debt Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCDM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của Cayman Islands thuộc Dragon Capital Group. DCDM được thành lập với mục tiêu huy động và quản lý các quỹ liên quan tới các sản phẩm thu nhập cố định và cung cấp các dịch vụ có liên quan.
“Đại lý phân phối”	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản lý quỹ chỉ định phân phối không độc quyền chứng chỉ Quỹ VFMVFB theo Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ.
“Ngân hàng giám sát và lưu ký”	Nghĩa là Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Deutsche Bank) Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 20/NH-GP ban hành bởi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK ban hành bởi Ủy Ban Chứng Khoán, ngày 16 tháng 10 năm 2000, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán quỹ, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký
“Công ty kiểm toán”	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ VFMVFB, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVFB và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Sở Giao dịch chứng khoán	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ

TP.HCM”	chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ VFMVFB.
“Điều lệ Quỹ”	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ VFMVFB được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ VFMVFB.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ VFMVFB
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ VFMVFB. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ VFMVFB.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ VFMVFB, Công ty Quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ.
“Đơn vị quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ VFMVFB”	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là chứng khoán do Công ty Quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ VFMVFB phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ VFMVFB theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Chứng chỉ quỹ lẻ”	Là chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản có số lượng nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản. Chứng chỉ quỹ này phát sinh từ trường hợp theo quy định tại mục 1, Điểm f Chương V tại Bản cáo bạch.
“Giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, cộng thêm phí phát hành đã quy định.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại chứng chỉ quỹ.

“Phí phát hành”	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ. Phí này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị đăng ký mua chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
“Phí mua lại”	Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Phí này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch thực hiện được.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Chương IX, mục 1.4 của Bản cáo bạch.
“Ngày”	Là ngày làm việc.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ VFMVFB sẽ được tính từ ngày Quỹ VFMVFB được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	(Sau đây gọi tắt là NAV) Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ VFMVFB sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ VFMVFB tại thời điểm định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ VFMVFB. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ VFM thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư được gửi bằng văn bản, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm nhận lệnh cuối cùng.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	Là dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	<p>Là dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động quỹ và các tài liệu khác cho nhà đầu tư. - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
“Người có liên quan”	<p>Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.</p>
“Các định nghĩa khác”	<p>Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán, Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý quỹ và các văn bản khác có liên quan.</p>

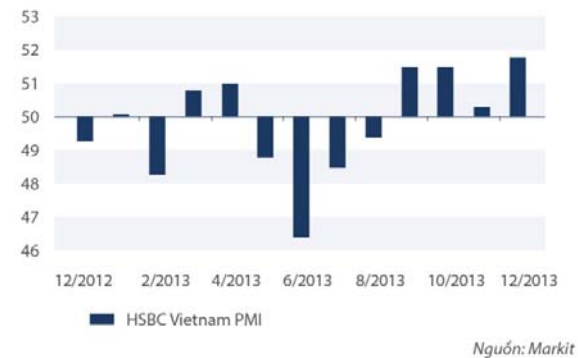
III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam

Sau nhiều bất ổn trong giai đoạn 2010-2011 và khó khăn kéo dài trong năm 2012, kinh tế Việt Nam đã thực sự có nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2013, làm tăng niềm tin vào sự phục hồi và khả năng bắt đầu của một chu kỳ tăng trưởng mới.

GDP & Sản xuất công nghiệp hồi phục

- Nhờ hưởng đi đúng của chính sách tiền tệ và các điều chỉnh chính sách tích cực, nền kinh tế đã được cải thiện về tính ổn định và phục hồi tăng trưởng. Theo đó, GDP tăng 5,4% trong 2013, khả quan so với 5% của năm 2012.
- Mức tăng trưởng này nhờ vào sự hồi phục của sản xuất công nghiệp và dịch vụ với mức tăng lần lượt 5,4% và 6,6%. Thêm vào đó, xu hướng tăng trưởng của GDP khá tốt với Quý IV tăng mạnh 6,0% so với 5,54%, 5%, và 4,76% của ba quý trước đó.
- Hoạt động sản xuất có xu hướng mở rộng và hồi phục tốt hơn vào 4 tháng cuối năm. Theo đó, chỉ số nhà mua hàng (PMI) do HSBC công bố cho thấy chỉ số của tháng 12 đạt 51,8 điểm, cao nhất từ tháng 4/2011. Chỉ số này duy trì ở mức cao hơn 50 trong 4 tháng cuối năm liên tục, chỉ dấu của việc mở rộng của sản xuất.
- Với hiệu quả của các đợt cắt giảm lãi suất và các gói hỗ trợ khác cho nền kinh tế, sản xuất đã thực sự cải thiện dần và theo chiều hướng tích cực. Thêm vào đó, sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn của các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam (Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản) đã thúc đẩy sản xuất trong nước và được dự báo sẽ tiếp tục hỗ trợ kinh tế trong năm 2014.



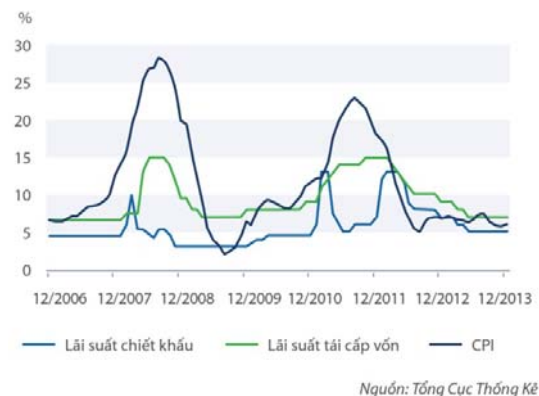
Xu hướng bán lẻ hàng hóa tích cực

- Tăng trưởng bán lẻ đang trong xu hướng tăng nhẹ từ tháng 3/2013, sau khi suy giảm mạnh từ cuối năm 2012. Nếu điều chỉnh cho lạm phát, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 5,6%, thấp hơn so với 6,0% của cùng kỳ năm 2012 nhưng xu hướng đang trở nên tích cực hơn từ đầu năm 2013.
- Với việc lạm phát tiếp tục được kiểm soát và kinh tế dần phục hồi, bán lẻ hàng hóa và tiêu thụ trong nước được dự báo sẽ cải thiện đáng kể trong năm 2014.



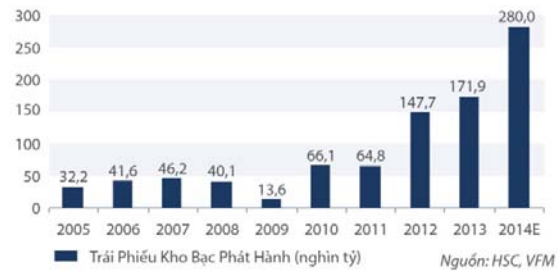
Lạm phát thấp nhất 10 năm

- Lạm phát ổn định hơn trong ba tháng cuối năm sau khi tăng mạnh vào tháng 9 với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 tăng 0,51% so với tháng trước, đưa chỉ số này tăng lên 6,04% so với cuối năm 2012. Việc kiểm chế lạm phát đã có ảnh hưởng tích cực đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện niềm tin vào tiền đồng, và giữ vững tỷ giá hối đoái.
- Xu hướng lạm phát thế giới vẫn sẽ thấp trong những tháng đầu năm 2014. Tuy nhiên, lạm phát ở Việt Nam sẽ chịu nhiều ảnh hưởng của những yếu tố trong nước hơn: thay đổi của chính sách tài khóa, điều chỉnh giá các nhiên liệu và điện theo giá thị trường. Do đó, ước tính lạm phát ở khoảng 6%-7% trong năm 2014.



Đầu tư cho tăng trưởng trở lại

- Tổng đầu tư toàn xã hội đang ở mức thấp nhất trong 12 năm qua, đạt 30,4% GDP vào năm 2012, dẫn đến mức tăng trưởng thấp trong 3 năm gần đây. Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng với kế hoạch phát hành thêm 170 nghìn tỷ cho các dự án quốc lộ và hạ tầng quan trọng khác trong khoảng thời gian 2014-2016. Thêm vào đó, vốn FDI tăng mạnh và sản xuất trong nước quay trở lại trong bối cảnh lãi suất giảm sẽ thúc đẩy đầu tư tư nhân trở lại. Đây là sẽ nguồn lực tăng thêm tiếp sức cho tăng trưởng kinh tế trong trung hạn.



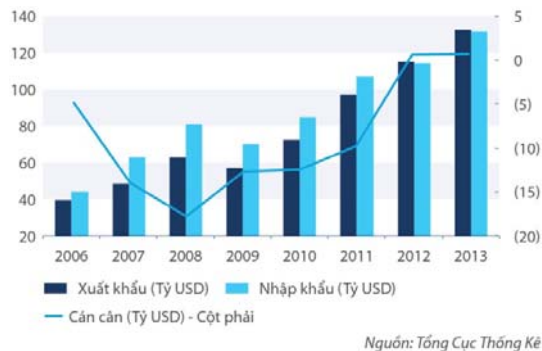
Tín dụng tăng trưởng khả quan và nợ xấu đang dần được cơ cấu

- Tín dụng tăng trưởng tốt hơn trong Quý IV sau khi tăng chậm vào đầu năm do ngân hàng lo ngại rủi ro hơn, nhu cầu thấp, và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao. Cho vay đến cuối năm 2013 tăng 8,8% sau khi giảm nhẹ trong hai tháng đầu năm. Tuy mức này không đạt mong đợi 12% từ đầu năm, đây là mức tăng trưởng khá tốt trong điều kiện kinh tế vẫn chưa có nhiều biến chuyển mạnh.
- Với xu hướng lãi suất cho vay đã giảm xuống mức bình quân 12% so với 15% của cuối năm 2012 và hoạt động sản xuất đang dần mở rộng, tín dụng có xu hướng sẽ tăng tốt trong năm 2014, ước tính 12%-14%. Trong khi đó, nợ xấu đang được các ngân hàng xử lý và cơ cấu lại thông qua VAMC.



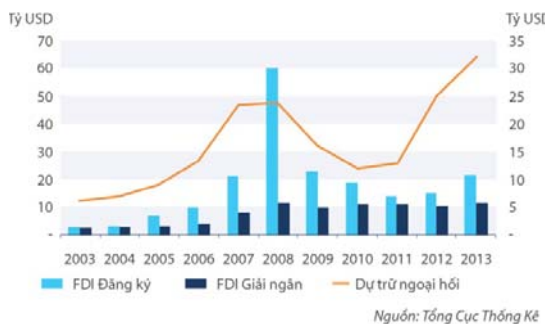
Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng và tỷ giá ổn định

- Xuất khẩu nổi lên như một điểm sáng của kinh tế 2012 và tiếp tục trong năm 2013. Theo đó, xuất khẩu đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4%. Nhờ vào việc thu hút và giải ngân vốn FDI trong nhiều năm, doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục là trụ cột của xuất khẩu, đem lại 2/3 giá trị xuất khẩu và tăng 22,4%, bỏ xa khu vực trong nước với mức tăng khiêm tốn 3,5%.
- Thặng dư thương mại đạt 900 triệu USD. Cán cân thanh toán tốt trong năm 2012 và 2013 đã giúp tăng dự trữ ngoại hối lên hơn 32 tỷ USD từ mức 20 tỷ USD cuối 2012. Nhờ đó, tỷ giá được ổn định suốt năm 2013 và có xu hướng tiếp tục ổn định trong 2014.



Đầu tư nước ngoài tăng cao

- Trong 6 năm gần đây, dòng vốn FDI tiếp tục đổ mạnh và thực hiện, góp phần lớn cho kết quả xuất khẩu ấn tượng và tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, cơ cấu FDI cải thiện tích cực theo hướng hơn 85% vốn đăng ký vào các doanh nghiệp chế tạo và sản xuất, thay vì vào các dự án bất động sản và giải trí như trước đây. Việc nền kinh tế phục hồi, khả năng gia nhập TPP, và hấp dẫn của thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục xu hướng thu hút vốn trực tiếp FDI và vốn đầu tư gián tiếp FII trong thời gian tới. Điều này tiếp tục giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định tỷ giá, và phát triển thị trường vốn trong nước.



2. Cơ hội đầu tư vào Quỹ Trái phiếu dạng mở

A. Tổng quan thị trường

Sự ổn định của nền kinh tế và nhu cầu đầu tư của cả chính phủ và khối các ngân hàng là nguyên nhân chính cho sự tăng trưởng mạnh của thị trường trái phiếu trong năm 2013. Thị trường giao dịch sơ cấp và thứ cấp trái phiếu chính và chính phủ bảo lãnh đều ghi nhận các phát triển mạnh mẽ về giá trị (xem bảng). Tổng giá trị giao dịch TPCP trên thị trường sơ cấp 2013 đạt tới 323.210 tỷ đồng tăng 100.9% so với 2012 và 232.8% so

với năm 2011. Giá trị giao dịch bình quân một phiên trên thị trường sơ cấp đạt 1319 tỷ đồng tăng 100.1% so với 2012. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận lượng phát hành mới lên tới trên 40 nghìn tỷ đồng lập một kỷ lục mới về tăng trưởng. Trong năm 2013 quy mô thị trường trái phiếu tăng trưởng 18,8% so với năm 2012, là tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á.

Phát hành sơ cấp trái phiếu chính phủ và chính phủ bảo lãnh 2012-2013

Kỳ hạn	Kho bạc nhà nước			Ngân hàng Đầu tư			Ngân hàng chính sách xã hội		
	2012 (Tỷ đồng)	2013 (Tỷ đồng)	% thay đổi	2012 (Tỷ đồng)	2013 (Tỷ đồng)	% thay đổi	2012 (Tỷ đồng)	2013 (Tỷ đồng)	% thay đổi
1 Năm hoặc ít hơn	31,721	33,990	7.15%	0	0		0	0	
2 năm	38,506	50,238	30.47%	7,270	31,165	328.68%	2,100	750	-64.29%
3 năm	43,760	51,890	18.58%	15,100	7,520	-50.20%	9,050	5,700	-37.02%
5 năm	30,225	29,055	-3.87%	12,010	3,790	-68.44%	7,880	830	-89.47%
10 năm	2,500	6,736	169.44%	500	1,755	251.00%	0	0	
Tổng cộng	146,712	171,909	17.17%	34,880	44,230	26.81%	19,030	7,280	61.74%

Tổng giá trị thị trường trái phiếu năm 2013 đạt 24.3% GDP (năm 2012 là 21,6%). Dự kiến giá trị thị trường sẽ đạt 38% GDP năm 2020 (trong đó giá trị thị trường trái phiếu chính phủ sẽ là 22% GDP) tương ứng mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 8%. Tuy nhiên các diễn biến cho thấy thị trường trái phiếu sẽ có tốc độ phát triển nhanh hơn trong các năm 2014 và 2015 do tác động của nhu cầu vốn đầu tư của chính phủ và từ cơ cấu kỳ hạn của các trái phiếu đang lưu hành.

Các thay đổi về hệ thống giao dịch và hệ thống thông tin giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội đã góp phần đáng kể cho việc gia tăng giá trị giao dịch. Các cơ sở cho sự phát triển của thị trường trái phiếu sẽ tiếp tục được ghi nhận trong năm 2014 với việc sở giao dịch Hà nội công bố các chỉ số giao dịch trái phiếu và đường cong lãi suất chuẩn.

Các yếu tố trên đều cho thấy cơ hội đầu tư trái phiếu khi thị trường mở rộng, bên cạnh đó các cơ hội có thể nhận thấy từ các yếu tố sau:

Các cơ hội đến từ yếu tố vĩ mô:

Thống kê thị trường

Sau giai đoạn dài biến động bất thường về lãi suất, đường cong lãi suất đã trở lại bình thường. Lãi suất các kỳ hạn đã có các sự phân biệt phù hợp và tuân thủ theo các quy luật thông thường. Các biến động trên thị trường năm 2013 cho thấy lãi suất trái phiếu các kỳ hạn chịu tác động lớn của cung cầu trên thị trường và biến động của thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó việc lạm phát được kiểm soát cũng góp phần ổn định cho thị trường lãi suất. Các yếu tố này sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2014 tới lãi suất và giao dịch trái phiếu trên thị trường.

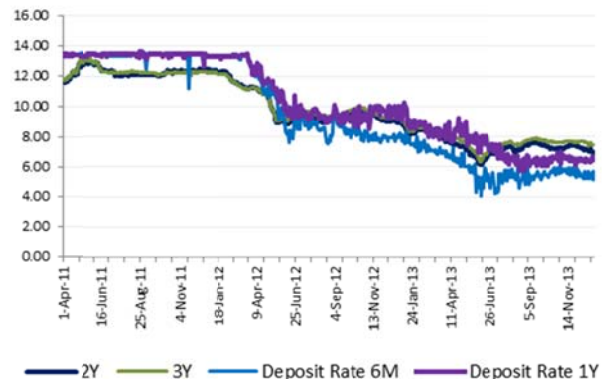
Thị trường trái phiếu ổn định và tăng trưởng



Nguồn: Dragon Capital

Lãi suất trái phiếu sau một khoảng thời gian dài thấp hơn lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dài đã bắt đầu cao hơn trở lại từ giữa năm 2013. Diễn biến này là tất yếu trong hoàn cảnh nền kinh tế đang bình ổn trở lại. Trái phiếu chính phủ các kỳ hạn 2 năm và 3 năm đang cho lãi suất tốt hơn so với lãi suất tiền gửi tiết kiệm các kỳ hạn 6 tháng và 1 năm. Lãi suất tiền gửi sẽ tiếp tục được giữ ở mức hiện tại để hỗ trợ sự phục hồi của nền kinh tế và nhu cầu phát hành sơ cấp và giao dịch thứ cấp sẽ là các yếu tố đảm bảo cho lãi suất trái phiếu trở nên hấp dẫn hơn so với mặt bằng lãi suất chung.

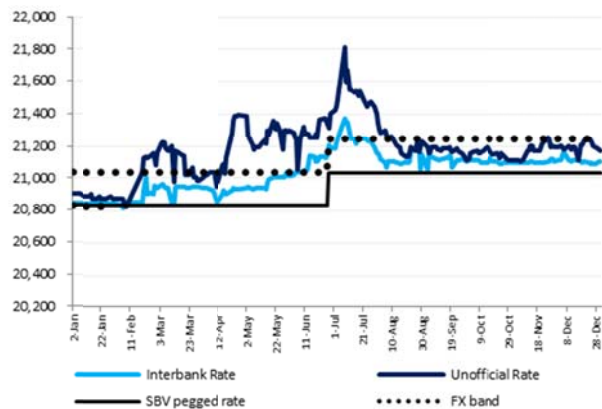
Biến động lãi suất trái phiếu và lãi suất tiền gửi giai đoạn 2011-2013 (%)



Nguồn: Dragon Capital

Tỉ giá giữa đồng Việt nam và Đô la Mỹ đã được giữ ổn định trong năm 2013. Tỉ giá sẽ tiếp tục được giữ ổn định trong năm 2014. Theo công bố của thống đốc Ngân hàng nhà nước thì tỉ giá giữa đồng Việt nam và Đô la Mỹ sẽ không biến động quá 2% trong năm sau. Việc ổn định tỉ giá là có cơ sở trong điều kiện Việt Nam đã có thặng dư thương mại trong năm 2013 và mức dự trữ ngoại tệ đã tăng lên trên 30 tỷ USD Đây là yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự tham gia đầu tư và nắm giữ trái phiếu chính phủ Việt Nam.

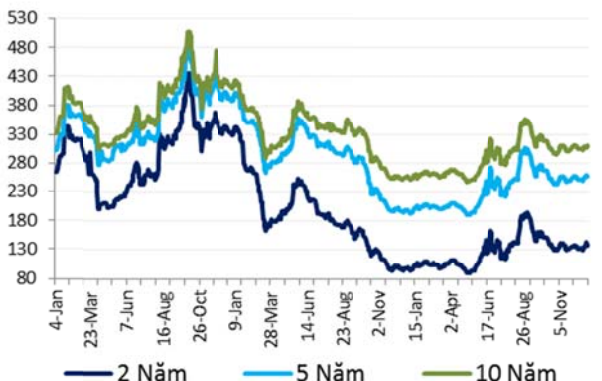
Tỉ giá giữa VND và USD (Đồng)



Nguồn: Dragon Capital

Biến động giá trị của hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng tạo lập trên trái phiếu chính phủ Việt Nam đã giảm đáng kể từ năm 2011 cho tới cuối năm 2013. Biến động này cho thấy mức tín nhiệm đối với trái phiếu chính phủ Việt Nam đã có sự tăng lên đáng kể và đang ổn định. Hiện tại chính phủ Việt Nam đang được xếp hạng tín dụng (đối với trái phiếu dài hạn phát hành bằng nội tệ) ở mức B, B2 và B+ bởi các tổ chức S&P, Moody's và Fitch với triển vọng chung là ổn định. Như vậy việc đầu tư vào trái phiếu chính phủ Việt Nam là an toàn và ổn định.

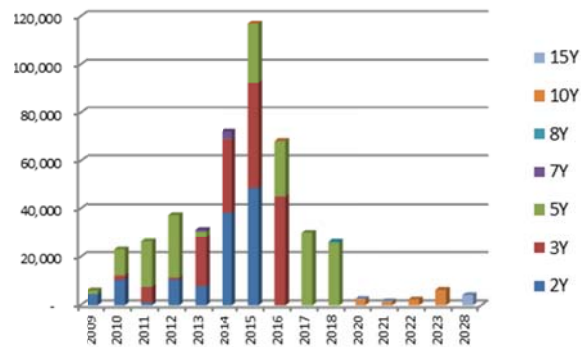
Biến động giá hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng cho trái phiếu chính phủ Việt Nam năm 2011 - 2013



Nguồn: Dragon Capital

Với việc quyết định tăng lượng trái phiếu chính phủ phát hành mới thêm 170 nghìn tỷ đồng để đầu tư cho giai đoạn 2014-2016, lượng phát hành trái phiếu sơ cấp trong năm 2014 sẽ tăng đáng kể. Bên cạnh đó, năm 2014-2015 là hai năm có lượng trái phiếu kho bạc đáo hạn lớn (71.869 tỷ trong năm 2014 và 116.836 tỷ trong năm 2015) sẽ dẫn tới việc phát hành các trái phiếu thay thế. Việc tăng lượng trái phiếu phát hành sơ cấp và nhu cầu thường xuyên của các ngân hàng sẽ là động lực cho sự phát triển của thị trường trái phiếu bên cạnh các hoàn thiện về cơ sở hạ tầng cho thị trường.

Giá trị trái phiếu đáo hạn các kỳ hạn giai đoạn 2009-2028 (Tỷ đồng)



Nguồn: Dragon Capital

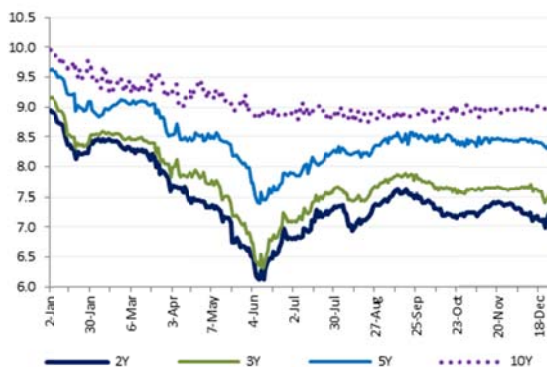
B. Cơ hội đến từ chiến lược đầu tư của quỹ

Với chiến lược đầu tư năng động, tăng tần suất giao dịch của quỹ, quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) tập trung đầu tư vào các trái phiếu chính phủ với kỳ hạn được giao dịch phổ biến trên thị trường. Điều này đảm bảo tính thanh khoản cho tài sản của quỹ đồng thời cho phép quỹ linh hoạt lựa chọn tài sản phù hợp với cơ hội đầu tư xuất hiện trên thị trường. Việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp sẽ được cân nhắc khi có các cơ hội đầu tư đảm bảo được yêu cầu về an toàn và mang lại lợi nhuận phù hợp. Trong thời điểm hiện tại quy lựa chọn việc đầu tư vào trái phiếu chính phủ là hoạt động trọng tâm của quỹ. Quỹ VFMVFB sẽ tích cực phân tích các biến động về vĩ mô, nhu cầu thị trường để tìm kiếm cơ hội đầu tư và thanh toán phù hợp cho quỹ.

Cơ hội cho việc đầu tư linh hoạt trái phiếu chính phủ bao gồm:

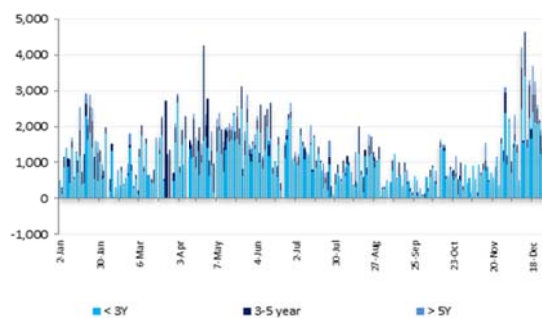
Trong năm 2013, lãi suất trái phiếu giao dịch đã có các biến động mạnh trong xu hướng giảm. Đối với trái phiếu kỳ hạn 2 năm, chênh lệch lãi suất giữa thời điểm đầu năm và cuối năm là 200 điểm cơ bản và giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất trong năm là 281 điểm. Số liệu tương ứng cho kỳ hạn 3 năm là 173 và 285 điểm. Biến động lãi suất sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2014 do tác động của chính sách tiền tệ và nhu cầu thị trường. Đây là cơ hội cho việc đầu tư chủ động của quỹ đầu tư VFMVFB.

Biến động lãi suất trái phiếu thị trường trong năm 2013 (%)



Giá trị giao dịch thị trường trái phiếu tăng trưởng đáng kể trong năm 2013 với giá trị giao dịch bình quân phiên lên tới 1319 tỷ đồng. Giao dịch tập trung vào nhóm trái phiếu có thời hạn còn lại nhỏ hơn 3 năm, chiếm tới trên 80% khối lượng giao dịch. Trái phiếu kỳ hạn dưới 3 năm thu hút được sự quan tâm của các ngân hàng thương mại là các tổ chức đang nắm giữ 90% giá trị trái phiếu đang lưu hành. Việc tập trung giao dịch vào kỳ hạn này đã làm tăng đáng kể tính thanh khoản của thị trường và làm gia tăng có hiệu quả giao dịch của quỹ

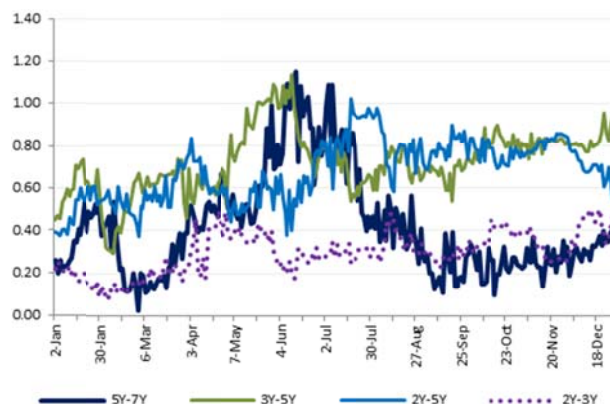
Giá trị giao dịch trái phiếu các kỳ hạn hàng ngày trong năm 2013 (Tỷ đồng)



Nguồn: Dragon Capital

Biến động chênh lệch lãi suất giữa các kỳ hạn trái phiếu tạo nên cơ hội đầu tư cho quỹ VFMVFB. Trong năm 2013, biến động chênh lệch lãi suất giữa trái phiếu kỳ hạn 2 năm và 3 năm trong khoảng 8 tới 50 điểm cơ bản. Khoảng chênh lệch này kết hợp với tính thanh khoản cao của các trái phiếu kỳ hạn 2 và 3 năm đã tạo ra các cơ hội đầu tư khi luân chuyển đầu tư giữa các trái phiếu. Mức chênh lệch chịu sự tác động của nhu cầu thị trường, mặt bằng lãi suất và kế hoạch phát hành của Kho bạc nhà nước. Biến động này sẽ tiếp tục xảy ra trong năm 2014 khi nhu cầu đầu tư trái phiếu và khối lượng phát hành sơ cấp tiếp tục tăng cao.

Chênh lệch lãi suất giữa các kỳ hạn trái phiếu trong năm 2013 (%)



Nguồn: Dragon Capital

IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VFMVFB

1. Thông tin chung về Quỹ VFMVFB

<ul style="list-style-type: none"> - Tên Quỹ - Tên tiếng Anh - Tên viết tắt - Hình thức của Quỹ - Nhà đầu tư của Quỹ - Thời hạn hoạt động của Quỹ - Số tiền đăng ký mua tối thiểu - Mục tiêu/chiến lược đầu tư - Hình thức sở hữu - Địa điểm phát hành: 	<p>QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VFMVFB)</p> <p>Vietnam Bond Fund.</p> <p>Quỹ VFMVFB</p> <p>Quỹ công chúng dạng mở.</p> <p>Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam.</p> <p>Không giới hạn.</p> <p>1.000.000 (một triệu đồng)</p> <p>Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu, các loại chứng khoán phát sinh giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả chi tiết tại điểm 3.2 Chương IV.</p> <p>Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty Quản lý quỹ VFM phát triển.</p> <p>Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.</p> <p>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)</p> <p>Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.</p> <p>Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)</p> <p>Phòng 5A2, tầng 5A, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội</p>
---	--

- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:

Tổ chức phát hành	: Quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)
Đại diện phát hành	: Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	: Ngân Hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty kiểm toán dự kiến	: Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PWC)
Hệ thống Đại lý phân phối	: Chi tiết về địa chỉ và chi nhánh của các đại lý phân phối được nêu trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại các Đại lý Phân phối chỉ định khác nhau và chỉ được giao dịch theo số lượng chứng chỉ quỹ mở của tài khoản đó.

1.1 Giấy phép phát hành và quy mô Quỹ

Quỹ VFMVFB được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập theo giấy phép số 04/GCN-UBCK vào ngày 10/06/2013.

1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ VFMVFB là Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được Công ty Quản lý quỹ VFM quản lý trong suốt quá trình hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho Công ty Quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ không có giới hạn và theo mục tiêu hoạt động của Quỹ.

2. Tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFB

Bảng dưới đây thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFB trong 6 tháng đầu hoạt động của quỹ. Các chỉ số thể hiện tình hình hoạt động của Quỹ VFMVFB bao gồm các chỉ số về NAV, lợi nhuận, chi phí, vòng quay vốn đầu tư, Kết quả hoạt động trong quá khứ không bảo đảm kết quả lợi nhuận trong tương lai.

	Từ 10/6/2013 tới 31/12/2013 (*)
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	99.574.822.600
Giá trị tài sản ròng tại 31/12/2013 (tỷ đồng)	73.265.782.705
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ tại 31/12/2013 (đồng)	10.253,1
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ cao nhất từ khi hoạt động (đồng)	10.253,1
Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất từ khi hoạt động (đồng)(*)	9.369,3
Chi phí hoạt động quỹ (% giá trị tài sản ròng bình quân)**)	2,49
Vòng quay danh mục đầu tư (%)	221.56
Tăng trưởng lũy kế từ khi bắt đầu hoạt động (%)	2,53

Ghi chú:

- Quỹ VFMVFB bắt đầu hoạt động từ ngày 10/06/2013.
- (*) Giá trị tài sản ròng trên đơn vị quỹ thấp nhất từ khi hoạt động không phản ánh chính xác giá trị thực tế trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (ngày 9/8/2013) do việc định giá trái phiếu đang nắm giữ trong danh mục tại thời điểm nên trên được thực hiện theo giá giao dịch bất thường trên thị trường tuân thủ theo các quy định tại sổ tay định giá của quỹ. Tuy nhiên, giá giao dịch sử dụng để định giá không phản ánh đúng mặt bằng giá thị trường của trái phiếu tại thời điểm định giá do tác động bất thường của tính chất giao dịch. Sau ngày 1 tháng 11 2012, điều khoản về định giá trái phiếu trong Sổ tay định giá Quỹ VFMVFB đã được Ban đại diện quỹ sửa đổi để đảm bảo loại trừ trường hợp nêu trên và phản ánh chính xác giá trị thị trường của các tài sản đầu tư.
- (***) Chi phí của quỹ nếu không tính chi phí bất thường để tổ chức đại hội thành lập quỹ theo luật định sẽ là 2,45% NAV. Chi phí đại hội thành lập sẽ không phát sinh trong các năm tiếp theo.
- (***) Vòng quay của quỹ trong giai đoạn từ 10/6/2013 cho tới 31/12/2013 là 213% cho thấy quỹ đã tuân thủ chiến lược đầu tư năng động với việc tăng cường mua và thanh toán các trái phiếu đầu tư tại các thời điểm phù hợp để tìm kiếm lợi nhuận cho quỹ.

3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả chi tiết tại điểm 2.3 dưới đây.

Công ty Quản lý quỹ VFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban chứng khoán nhà nước.

3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty Quản lý quỹ VFM phát triển.

3.3 Danh mục đầu tư của Quỹ

Quỹ VFMVFB sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính; Tỷ trọng các loại trái phiếu, giấy tờ có giá chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên;
- d. Trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e. Trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Trường hợp đầu tư vào trái phiếu, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết của các tổ chức phát hành phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.
- f. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g. Các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu;
- h. Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản;
- i. Trong một số trường hợp bất lợi của thị trường, để đảm bảo tính an toàn cho tài sản của Quỹ, tỷ trọng tiền mặt và các tài sản tương đương tiền có thể chiếm đến 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

3.4 Lĩnh vực đầu tư

Lĩnh vực đầu tư của quỹ VFMVFB tập trung vào các loại trái phiếu hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam như sau:

- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.
- Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán phát sinh...). Tỷ trọng của các loại chứng khoán này không vượt quá 30% giá trị tài sản ròng của danh mục.

- Cơ cấu theo kỳ hạn của danh mục trái phiếu được duy trì nhằm đảm bảo thời gian đáo hạn bình quân của danh mục không vượt quá 8 năm.

Ngoài ra, trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB cũng bao gồm các loại giấy tờ có giá, các công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, cổ phiếu... theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Chương IV – Mục 3.3 tại Bản cáo bạch này.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB phải đảm bảo:
 - a. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi (trừ trái phiếu chính phủ);
 - b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - c. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f Chương IV – Mục 3.3 tại Bản cáo bạch này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau (trừ trái phiếu chính phủ), trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Mục c, nội dung 2, chương VIII của Bản cáo bạch này;
 - d. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e Chương IV – Mục 3.3 tại Bản cáo bạch này;
 - e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dự nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - f. Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - g. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - h. Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi và các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán phái sinh). Tỷ trọng của các loại chứng khoán này không vượt quá 30% giá trị tài sản ròng của danh mục, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Mục c, nội dung 2, chương VIII của Bản cáo bạch này;
3. Cơ cấu đầu tư của quỹ VFMVFB được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.
 - d) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty Quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc điều lệ quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Công ty Quản lý quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản.

3.6 Hạn chế vay

1. Công ty Quản lý quỹ VFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 2.3 Chương VIII của Bản cáo bạch.
2. Công ty Quản lý quỹ VFM không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ đầu tư VFMVFB, ngoại trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ VFMVFB để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty Quản lý quỹ VFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ VFMVFB được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (Repo) theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

3.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện quy trình nghiên cứu, đánh giá, thẩm định đầu tư và áp dụng chiến lược đầu tư năng động trong việc quản lý Quỹ VFMVFB.

Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư. Các mô hình kỹ thuật thống kê sẽ được áp dụng nhằm hỗ trợ Công ty Quản lý quỹ đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý trong thời gian nhanh nhất.

Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Quỹ VFMVFB hoạt động theo cơ chế Quỹ mở nên Nhà đầu tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại chứng chỉ Quỹ VFMVFB..

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ VFMVFB và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ

4.2 Rủi ro hạn chế cơ hội đầu tư do tính đa dạng hóa thấp của thị trường

Thị trường trái phiếu của Việt nam hiện tại còn khá hạn chế cả về số lượng đối tượng phát hành, thể loại ngành, tần suất phát hành mới cũng như tính đa dạng của các kỳ hạn và chủng loại sản phẩm. Do đó Công ty Quản lý quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược phân bổ tài sản đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

4.3 Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư)

Tài sản Quỹ VFMVFB đầu tư chủ yếu là trái phiếu, trong khi đó giá trị của trái phiếu lại chịu tác động trực tiếp của yếu tố lãi suất trên thị trường và có thể giảm giá trị trong bối cảnh xu hướng lãi suất tăng. Công ty Quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trái phiếu trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp,

4.4 Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ VFMVFB được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa được phổ biến và vẫn ở giai đoạn sơ khai chưa phát triển, nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ cần thiết để sử dụng.

4.5 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo định hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ VFMVFB trong tương lai.

4.6 Thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo Quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ VFMVFB.

4.7 Rủi ro thanh khoản của thị trường

Một trong những rủi ro của Quỹ VFMVFB là khả năng khi Quỹ có yêu cầu thanh lý tài sản đầu tư, Công ty Quản lý quỹ không tìm được đối tác thanh lý hoặc không thanh lý được theo giá yêu cầu do tính thanh khoản của thị trường thấp và mất nhiều thời gian thỏa thuận. Cơ cấu tài sản tập trung nhiều ở trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cũng là trái phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên thị trường hiện nay nhằm hạn chế rủi ro này.

4.8 Rủi ro về khả năng mất thanh toán

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán cho đợt tăng vốn của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Tại Việt Nam hiện nay chưa hình thành các tổ chức tài chính trung gian chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Quỹ đầu tư VFMVFB có cơ cấu chủ yếu là các loại Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán nên hạn chế được rủi ro này. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp (nếu có) trước hết sẽ được áp dụng mô hình định mức tín nhiệm do Công ty Quản lý quỹ VFM phát triển đồng thời sử dụng các kỹ thuật thống kê và tham khảo các đánh giá định mức tín nhiệm từ các tổ chức trung gian.

4.9 Rủi ro định giá

Là rủi ro khi lãi suất định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX/ VBMA/ Bloomberg/ Reuters. Đây là lãi suất tham khảo, tùy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

4.10 Rủi ro rút vốn

Hoạt động theo Quy chế Quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán chứng chỉ Quỹ VFMVFB. Tuy nhiên, khi tất cả các nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của Nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

Trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà Đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ Quỹ VFMVFB trong thời gian chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định tại Chương V mục 6. – “thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản cáo bạch này.

Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho nhà đầu tư.

Trong một số trường hợp, Quỹ VFMVFB có thể có tỷ trọng tiền khá lớn trong thời gian tìm kiếm cơ hội đầu tư.

4.11 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi công ty quản lý quỹ.

V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ

- Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB là Thứ Sáu hàng tuần. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Trong trường hợp ngày giao dịch kế tiếp này cũng rơi vào ngày nghỉ Lễ, thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch đầu tiên bị rơi vào ngày nghỉ Lễ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ dịp Lễ tết trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
- Việc tăng tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản cáo bạch, công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty Quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.
- Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

b. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là 10g30 phút sáng ngày T-1 (thứ Năm hàng tuần), trong đó ngày T là ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận Phiếu lệnh đặt mua/ bán/ chuyển đổi chứng chỉ quỹ và xác nhận tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư đã được chuyển vào tài khoản của Quỹ để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Nếu lệnh giao dịch đến sau thời điểm đóng sổ lệnh, thì lệnh giao dịch này sẽ bị huỷ vào kỳ giao dịch đã đăng ký và có thể chuyển sang kỳ giao dịch kế tiếp theo yêu cầu của nhà đầu tư.
- Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày ngày nghỉ Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

c. Hủy lệnh giao dịch:

- Các lệnh giao dịch (mua, bán, chuyển đổi) có thể được huỷ trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Việc thực hiện hủy lệnh sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là không hợp lệ;
- Các lệnh giao dịch đã đăng ký trước đó không được huỷ một phần;
- Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch, và phải trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Trong trường hợp nhà đầu tư huỷ lệnh Mua chứng chỉ quỹ sau khi đã chuyển số tiền đăng ký mua vào tài khoản Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh, thì số tiền này sẽ được hoàn trả cho nhà đầu tư chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Các phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

d. Thời hạn xác nhận giao dịch:

- Trong vòng ba (03) ngày làm việc (T+3) kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:

- Trong vòng năm (05) ngày làm việc (T+5) kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, Quỹ VFMVFB sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của nhà đầu tư sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ.

f. Duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ:

- Trong trường hợp tài khoản của nhà đầu tư có số dư bằng không (0) và không có bất kỳ giao dịch nào trong vòng một (01) năm, tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở VFMVFB sẽ được Công ty Quản lý quỹ tự động khoá (inactive) cho đến khi nhà đầu tư yêu cầu kích hoạt lại tài khoản giao dịch và cập nhật những thông tin mới trên tài khoản tại các Đại lý Phân phối.
- Nhà đầu tư phải duy trì ít nhất một trăm (100) đơn vị quỹ trong tài khoản để đảm bảo việc duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- Chứng chỉ quỹ lẻ (dưới 100 đơn vị quỹ) được phát sinh từ nguyên nhân sau:
 - Phát sinh khi lệnh bán chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương V, mục 6, của Bản cáo bạch.
 - Phát sinh từ lệnh mua của nhà đầu tư.

2. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Giá giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB sẽ được xác định tại ngày giao dịch (ngày T) và giá trị tài sản ròng của Quỹ dùng để tính Giá giao dịch chứng chỉ quỹ VFMVFB sẽ được công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý quỹ và theo các quy định về công bố thông tin.
- Giá giao dịch một đơn vị quỹ được xác định như sau:
 - Giá phát hành: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ.
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ.
 - Giá mua lại: là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi phí mua lại.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được xác định vào ngày thứ Sáu hàng tuần và được công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể tiếp trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý quỹ và theo các quy định về Công bố thông tin.

3. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch mua khi đã hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB tại các Đại lý Phân phối chỉ định.
- Giá trị giao dịch của lệnh mua không được nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là 1.000.000 (một triệu) đồng.
- Lệnh giao dịch mua chứng chỉ quỹ mở phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh, và tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ đã được chuyển đến tài khoản của Quỹ VFMVFB trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư/người được uỷ quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản ngân hàng như sau:
 - Tên tài khoản : **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM**
 - Số tài khoản : theo số tài khoản của của từng Đại lý phân phối được nêu ở Phụ lục 1
 - Tên ngân hàng : Deutsche Bank HCMC Branch
 - Số tiền : Số tiền đăng ký mua
 - Nội dung : [tên nhà đầu tư] [số tài khoản giao dịch CCQ mở] [đăng ký mua CCQ VFMVFB]
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao

dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.

- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu, thì số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào tổng số tiền thực tế đã được thanh toán. Nhà đầu tư ủy quyền cho Công ty Quản lý quỹ thực hiện điều chỉnh lệnh giao dịch để đáp ứng theo quy định này.
- Trong trường hợp tổng giá trị đăng ký mua của nhà đầu tư dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) chứng chỉ quỹ, thì nhà đầu tư được nắm giữ chứng chỉ quỹ này được xem là chứng chỉ quỹ lẻ.
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Phí phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của nhà đầu tư đến tài khoản của Quỹ VFMVB tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam.

4. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ

- Lệnh giao dịch bán phải được điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán chứng chỉ quỹ và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán không được thấp hơn một trăm (100) đơn vị quỹ và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch phải lớn hơn hoặc bằng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) chứng chỉ quỹ, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được định nghĩa tại mục 1, Điểm f Chương V của Bản cáo bạch này.
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại kỳ giao dịch.
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương V, mục 6 – “*thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ*” của Bản cáo bạch này.
- Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Phí mua lại}(\%))$$

- Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhà đầu tư chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5).
- Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật

5. Thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên mở cùng một Đại lý chuyển nhượng.
- Công ty Quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến loại giao dịch này và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

6. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:

Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư cho đến khi giá trị tài sản ròng của quỹ bằng đúng năm mươi (50) tỷ đồng.
 - c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh bán của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Đối với việc thực hiện một phần lệnh bán và chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 của mục 6 nêu trên, Công ty Quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư theo quy định tại khoản (a) và (b) tại (1) nêu trên. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$Xi = SLDKi * \frac{SLTT}{\sum SLDKi}$$

Trong đó:

Xi: số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

SLDKi: số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán.

SLTT: tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà Công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư.

$\sum SLDKi$: tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Nếu phần lệnh chưa được thực hiện lớn hơn, bằng hoặc thấp hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản (là 100 chứng chỉ quỹ), và các lệnh đến sau thời điểm đóng sổ lệnh, các lệnh này sẽ tự động bị hủy. Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại kỳ giao dịch kế tiếp.
 - Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc khớp một phần hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi đến nhà đầu tư.
3. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - Công ty Quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Công ty Quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.

Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không kéo dài quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định trên, Công ty Quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

7. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ VFMVFB cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh của mỗi kỳ giao dịch.
- Nhà đầu tư không phải thanh toán phí chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ.
- Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

8. Người được ủy quyền từ nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho một cá nhân khác thực hiện việc các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/hủy giao dịch và chuyển khoản tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Quyết định 213/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 về việc ban hành quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Nhà đầu tư phải điền thông tin người được ủy quyền vào Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB về việc ủy quyền cho người thứ hai thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu. Thông tin người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi nhà đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại các Đại lý Phân phối.

9. Quy định khác về việc thực hiện đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở VFMVFB

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ VFMVFB bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ VFMVFB trước thời điểm chốt sổ lệnh.
- Người không được ủy quyền của nhà đầu tư sẽ không được thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ VFMVFB hay chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ thay cho nhà đầu tư dưới mọi hình thức.
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Quyết định 213/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Quyết định 03/2004/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (CCA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ VFMVFB đối với việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ VFMVFB. Nhà đầu tư nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần (CCA) cho Đại lý Phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- Việc chuyển khoản mua chứng chỉ Quỹ VFMVFB được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (CCA) sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ VFMVFB không được chuyển khoản từ " tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (CCA) theo quy định của pháp luật.

10. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

10.1 Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ

- a. Nhà đầu tư/người được ủy quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- b. Các lệnh đặt mua chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian đóng sổ lệnh.
- c. Nhà đầu tư/người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản ngân hàng **không có 1 hoặc tất cả những** nội dung in đậm sau:

- **[Tên nhà đầu tư] [số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở] mua [tên quỹ]**
- d. Nhà đầu tư/người được uỷ quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ mà không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối.
- e. Tiền đăng ký mua được thực hiện không phải từ nhà đầu tư hoặc người được uỷ quyền.
- f. Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu là 1.000.000 (một triệu đồng).
 - Công ty Quản lý quỹ sẽ chỉ thị ngân hàng giám sát chuyển trả lại số tiền này cho người đã chuyển theo số chứng từ gốc của ngân hàng đối với các giao dịch không hợp lệ
 - Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch không hợp lệ này sẽ do nhà đầu tư chịu. Thời hạn trả tiền lại cho nhà đầu tư được thực hiện trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

10.2 Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ

- a. Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang sở hữu.
- b. Các lệnh đặt bán chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian chốt sổ lệnh.
- c. Số lượng đặt bán dẫn đến số lượng chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản lớn hơn không (0) nhưng thấp hơn mức sở hữu tối thiểu quy định, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được quy định tại mục 1, Điểm f Chương V của Bản cáo bạch này.
- d. Lệnh bán được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh của Quỹ.

VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÀM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC

1. Thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ VFM

Công ty VFM thành lập vào tháng 7 năm 2003, khởi đầu là công ty liên doanh của hai định chế tài chính lớn tại Việt Nam là Dragon Capital – Công ty Quản lý quỹ nước ngoài hàng đầu và lâu đời tại Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – một trong những ngân hàng cổ phần có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam. Sau thời gian hoạt động và phát triển, để khẳng định thế mạnh của Công ty Quản lý quỹ cũng như cam kết chất lượng dịch vụ, kể từ tháng 1 năm 2009, chúng tôi chuyển đổi từ công ty liên doanh sang công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM). Trong năm 2010, Công ty VFM đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ lên 229,5 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 79/UBCK-GP ngày 04/11/2010.

Với mô hình hoạt động mới, công ty VFM đã tận dụng nguồn lực tập trung, kinh nghiệm lâu năm, uy tín, tiềm lực vững mạnh của Dragon Capital và các đối tác chiến lược khác từ các tổ chức tài chính lớn có uy tín trên TTCK. Tất cả hội tụ thành sức mạnh tổng lực tạo nhiều lợi thế cạnh tranh hơn cho công ty VFM trên thị trường tài chính Việt Nam. Hiện nay, tổng tài sản Công ty Quản lý quỹ VFM đang quản lý hơn 2.000 tỷ đồng (tính đến 31/12/2013) với gần 6.000 nhà đầu tư là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các sản phẩm quỹ: Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFMVF1), Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4), Quỹ đầu tư Năng Động Việt Nam (VFMVFA), Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) và một số nguồn vốn ủy thác khác.

Các quỹ do công ty VFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1):

Quỹ đầu tư VFMVF1 là quỹ công chứng đầu tiên do công ty VFM quản lý với tổng vốn huy động ban đầu là 300 tỷ đồng. Quỹ đầu tư VFMVF1 là quỹ đầu tư cân bằng với chiến lược đầu tư là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Quỹ đầu tư VFMVF1 đã tăng vốn điều lệ lần 1 từ 300 tỷ lên 500 tỷ đồng vào năm 2006 và tiếp tục tăng vốn điều lệ lần 2 thành công từ 500 tỷ lên 1.000 tỷ đồng vào năm 2007. Quỹ đầu tư VF1 được xem là một trong những chứng chỉ quỹ đóng có tính thanh khoản cao trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Vào ngày 08/10/2013, Quỹ VFMVF1 đã chính thức chuyển đổi thành quỹ mở công chúng có giá trị chuyển đổi lớn nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2):

Quỹ VF2 là quỹ thành viên đầu tiên được thành lập vào tháng 12/2006 với sự tham gia góp vốn của 15 đối tác lớn trong ngành tài chính, ngân hàng và công ty niêm yết lớn, đặc biệt là tổ chức tài chính của chính phủ Hà Lan – FMO. Quỹ VF2 có số vốn huy động ban đầu là 400 tỷ đồng và đã tăng vốn điều lệ lên thành 963,9 tỷ đồng vào tháng 12 năm 2006. Quỹ VF2 được gia hạn thời gian hoạt động đến hết năm 2014.

- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4):

Quỹ đầu tư VFMVF4 là quỹ công chứng thứ hai do công ty VFM quản lý và được niêm yết tại SGD Tp HCM vào năm 2008 với tổng vốn huy động ban đầu là 806,46 tỷ đồng. Quỹ đầu tư VFMVF4 là quỹ đầu tư cổ phiếu với chiến lược đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam.

Quỹ VFMVF4 cũng đã chính thức chuyển đổi thành quỹ mở vào ngày 16/12/2013.

- Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA):

Đây là quỹ công chứng thứ ba do công ty VFM huy động, quản lý với số vốn ban đầu là khoảng 240,4 tỷ đồng, hoạt động trong vòng 05 năm. Đây là quỹ đầu tiên áp dụng mô hình định lượng (Quant model), với chiến lược đầu tư là ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên thị trường. Nói một cách cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khi thị trường có xu hướng giảm (trend following).

Quỹ VFMVFA là quỹ đóng đầu tiên được chuyển đổi sang quỹ mở vào ngày 18/4/2013.

- Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB):

Quỹ VFMVFB là quỹ hoạt động theo mô hình quỹ mở chuyên đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá với tỷ trọng đầu tư lên tới 80% giá trị tài sản của quỹ. Quỹ được huy động với số vốn ban đầu khoảng 100 tỷ đồng vào tháng 6/2013. Quỹ VFMVFB được tư vấn từ các chuyên gia hàng đầu về chứng khoán nợ từ Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital.

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty VFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty VFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động của Công ty Quản lý quỹ VFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị

- Ông Dominic Scriven Chủ tịch
- Ông Trần Thanh Tân Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Lê Hoàng Anh Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Khánh Linh Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Khối Phát Triển Kinh Doanh
- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Khối Đầu tư

Thông tin tóm tắt về Hội đồng Quản trị của Công ty Quản lý quỹ VFM được tham khảo tại www.vinafund.com

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ VFM

- Ông Trần Thanh Tân Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Khánh Linh Phó Tổng Giám đốc

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Lê Minh Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

Thông tin tóm tắt về Ban Điều hành của Công ty Quản lý quỹ VFM được tham khảo tại www.vinafund.com

1.3 Giới thiệu nhân viên quản trị quỹ

- Ông Trần Lê Minh Người điều hành Quỹ VFMVFB, kiêm Kinh tế gia trưởng
- Bà Phan Thị Thu Thảo Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư công ty VFM

2. Tổ chức tư vấn đầu tư - Dragon Capital Debt Management

Quỹ VFMVFB được quản lý và điều hành bởi công ty VFM với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Dragon Capital Debt Management Limited (DCDM). DCDM là công ty thành viên của Dragon Capital Group được thành lập từ năm 2007 và hiện đang quản lý hai quỹ đầu tư vào trái phiếu do chính phủ và công ty Việt Nam phát hành. Các quỹ này bao gồm: Vietnam Debt Fund A và Vietnam Debt Fund B (VDeF A & B). Thông tin chi tiết về kết quả hoạt động của hai quỹ nêu trên được trình bày tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

Công ty DCDM đã có sự phát triển nhanh chóng trong các hoạt động và quy mô công ty kể từ khi thành lập. Ông Dan Svensson là giám đốc của DCDM. Ông Dan Svensson đã đóng góp rất nhiều công sức liên quan đến việc quản lý các quỹ VDeF A & B từ khi thành lập. Ông Dan Svensson có trên 25 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính và đã nhận được học bổng Fullbright để hoàn thành và tốt nghiệp bằng Thạc sỹ chuyên ngành tài chính và Thạc sỹ quản trị kinh doanh từ học viện Berkeley, đại học California, Mỹ vào năm 1987. Hiện nay ông Dan Svensson là thành viên Hội đồng tư vấn của diễn đàn thị trường Trái phiếu Việt Nam và đã nhiều năm tư vấn cho Bộ tài chính trong dự án cải tổ thị trường trái phiếu.

Công ty DCDM hỗ trợ công ty VFM trong việc xây dựng mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản cho quỹ đầu tư VFMVFB và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật trong quá trình thực hiện đầu tư và quản lý quỹ VFMVFB. Trong mức độ cho phép theo quy định của pháp luật Việt Nam, ông Dan Svensson và các cộng sự tại DCDM sẽ hỗ trợ VFM trong các hoạt động nêu trên.

Các kinh nghiệm có được trong quá trình quản lý và đầu tư quỹ VDeF A và B sẽ được sử dụng cho quỹ VFMVFB. Mô hình định mức tín nhiệm cho trái phiếu doanh nghiệp do DCDM nghiên cứu và phát triển sẽ được tiếp tục phát triển cùng với sự hợp tác của VFM và được sử dụng trong quá trình đầu tư của VFMVFB.

3. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, có trụ sở tại:

Lầu 14, Tòa nhà Sai Gon Centre, 65 Lê Lợi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6299 8941, Fax: (84-8) 3824 4602

Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Hồ Chí Minh là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 20/NH-GP ban hành bởi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK ban hành bởi Ủy Ban Chứng Khoán, ngày 16 tháng 10 năm 2000, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán quỹ, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

4. Công ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công ty Quản lý quỹ VFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ VFMVFB, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ VFMVFB sẽ là Công ty PriceWaterhouseCooper (PWC), Công ty KPMG hoặc Công ty Kiểm toán Ernst & Young.

5. Tổ Chức Được Ủy Quyền

Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: Dịch vụ quản trị Quỹ và Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

Ngân hàng Deutsche Bank AG, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, có trụ sở tại:

Lầu 14, Tòa nhà Saigon Centre, 65 Lê Lợi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6299 8941, Fax: (84-8) 3824 4602

VII. DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối thông qua các tổ chức được chỉ định và được liệt kê tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Tổ chức được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
- Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được xác định 1 tuần một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.
- Công ty Quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và được lấy đến 2 số thập phân, Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được hạch toán vào quỹ. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

a. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định mỗi tuần và mỗi tháng. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần (với kỳ định giá hàng tuần) và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng). Trường hợp Công ty Quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty Quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

b. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ bằng tổng giá trị các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ..

Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quý chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quý chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có), tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; + Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện (BĐD) Quý phê duyệt; + Giá xác định theo phương pháp đã được BĐD quý chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân của 3 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BĐD Quý phê duyệt được chấp nhận. - Hoặc trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được BĐD quý chấp thuận.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất

	Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	<p>trước ngày định giá;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, thì dùng Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 2 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận;
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định

	niêm yết	giá
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
15.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại khoản 3 Điều này.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay định giá.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá. NAV/ccq được lấy đến 2 chữ số thập phân.

c. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

IX. PHÍ, LỆ PHÍ CỦA QUỸ

1. Các loại phí do nhà đầu tư trả

1.1 Phí phát hành chứng chỉ quỹ

- Là phí mà nhà đầu tư trả cho Công ty Quản lý quỹ khi mua một đơn vị Quỹ VFMVFB. Phí này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ VFMVFB.
- Phí phát hành được áp dụng như sau:

Tổng giá trị đăng ký mua (VNĐ)	Phí phát hành
Từ trên 1.000.000 đến 1.000.000.000	0,6%/tổng giá trị đăng ký mua
Từ trên 1.000.000.000 đến 10.000.000.000	0,4%/tổng giá trị đăng ký mua
Trên 10.000.000.000	0,3%/tổng giá trị đăng ký mua

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi phí phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về phí áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.2 Phí mua lại

- Là phí mà nhà đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý quỹ khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Phí này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Phí mua lại chứng chỉ quỹ được áp dụng như sau:

Thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)	Phí mua lại
Đến 90 ngày	1%/tổng giá trị bán thực hiện được
Từ 91 đến 365 ngày	0,6%/tổng giá trị bán thực hiện được
Từ 366 đến 730 ngày	0,4%/tổng giá trị bán thực hiện được
Từ 731 ngày	0%/tổng giá trị bán thực hiện được

Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO).

- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định khác dẫn đến sự thay đổi phí phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về phí áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.3 Phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư phải trả phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công ty Quản lý quỹ khi nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ tại mỗi kỳ giao dịch.
- Nhà đầu tư không phải trả Phí phát hành và Phí mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- Phí chuyển đổi chứng chỉ quỹ là 0,2% giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.

2. Các loại phí do Quỹ trả

2.1 Phí quản lý quỹ

- Phí quản lý là 0,9% giá trị tài sản ròng của Quỹ VFMVFB/năm tài chính. Phí này được trả cho Công ty Quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ VFMVFB. Phí quản lý sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn Công ty Quản lý quỹ VFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ VFMVFB.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí quản lý được xác định như sau:

Phí quản lý trong tháng = [Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2.2 Phí lưu ký và giám sát

- Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Phí giám sát là 0,04% NAV/năm. Tối thiểu là 16,8 triệu đồng mỗi tháng.
- Phí lưu ký là 0,03% NAV/năm. Tối thiểu là 10,5 triệu đồng mỗi tháng. Mức phí này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 210.000 đồng/giao dịch.
- Tổng phí giám sát, lưu ký tuân thủ theo quy định của pháp luật và tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/ hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí giám sát, lưu ký được xác định như sau:

- Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2.3 Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ VFMVFB trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% NAV/năm và được chi trả hàng tháng. Tối thiểu là 10,5 triệu đồng mỗi tháng
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:
- Phí dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2.4 Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức phí do Quỹ VFMVFB chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm những dịch vụ được nêu tại Điều lệ của Quỹ VFMVFB

Gồm 2 nhóm phí như sau:

1. Nhóm phí tính trên NAV:

- Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng năm là 0.04%/NAV/năm được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng và được trả hàng tháng. Tối thiểu là 10,5 triệu đồng mỗi tháng.
- Công thức tính phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định như sau:

Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong tháng = [Tỷ lệ % phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % phí duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2. Nhóm phí tính trên số lượng thực tế phát sinh gồm:

- Phí duy trì tài khoản nhà đầu tư thường niên là 6.000 đồng/ nhà đầu tư

- Dịch vụ quản lý tài sản như cổ tức, cổ phiếu thường, chia tách chứng chỉ quỹ là 52,5 triệu đồng/ lần thực hiện và 42.000 đồng trên một thông báo nhà đầu tư.
- Báo cáo cổ đông lớn là 2,1 triệu đồng / báo cáo
- Các chi phí khác phục vụ cho nghiệp vụ đại lý chuyển nhượng...
- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.
- Các loại phí trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.5 Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
2. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
4. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
5. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
6. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
7. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
8. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
9. Chi về bảo hiểm (nếu có);
10. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
11. Thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;
12. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật;
13. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

Chi phí hoạt động của quỹ là các khoản chi phí sau thuế sau:

- a. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
- b. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
- c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- d. Các chi phí khác bao gồm:
 - Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ;
 - Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
 - Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của quỹ trên các trang

thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo.

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán (“quay vòng”). Số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán cổ phiếu càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ VFMVFB. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư.

Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ VFMVFB được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình của các kỳ định giá hàng tuần trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ VFMVFB được công bố trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

2. Phân phối lợi nhuận

Quỹ đầu tư VFMVFB luôn hướng tới việc phân phối tối đa lợi nhuận cho nhà đầu tư. Vì vậy, cổ tức Quỹ đầu tư VFMVFB được quy định cụ thể như sau:

1. Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư mỗi năm 1 (một) lần dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.
2. Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau :
 - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của quỹ trong quá trình hoạt động.
 - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản lý quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
3. Công ty Quản lý quỹ được phân chia cổ tức Quỹ khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
4. Công ty Quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư.
5. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
6. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
 - b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
 - d. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e. Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của quỹ.

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- a. Công ty Quản lý quỹ sẽ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý.
- b. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- c. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XII. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ VFMVFB và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;

- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012.
- Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Công ty Quản lý quỹ VFM sẽ chuẩn bị các báo cáo định kỳ của Công ty và của Quỹ VFMVFB. Các báo cáo này sẽ được Công ty Quản lý quỹ VFM gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ VFM sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ VFMVFB và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý quỹ VFM www.vinafund.com và tại các hệ thống Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ do công ty chỉ định

Báo cáo hoạt động quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố sau một (01) ngày kể từ ngày định giá (giao dịch chứng chỉ quỹ);
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của Luật.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM – VietFund Management

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (08) 3825 1488
- Fax: (08) 3825 1489

Chi nhánh văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Phòng 5A2, tầng 5A, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

Mọi thắc mắc sẽ được giải đáp tại tất cả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ VFMVFB. Danh sách Đại lý phân phối được đính kèm trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Quỹ Trái Phiếu VdeF tháng 12/2013
2. Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn

Đại diện Công ty quản lý quỹ



TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUỸ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM
Tháng 12/2013



Mục tiêu và Chiến lược Đầu tư

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam với hai danh mục con A và B (VDeF A và VDeF B) do Dragon Capital quản lý là Quỹ trái phiếu tập trung đầu tư vào thị trường chứng khoán nợ đồng nội tệ của Việt Nam. Mục tiêu của Quỹ là tạo ra mức thu nhập cao và ổn định một cách hợp lý đồng thời tránh các rủi ro vượt quá khuôn khổ thị trường Việt Nam. Hoạt động đầu tư của Dragon Capital dựa trên phân tích nội bộ về định mức tín nhiệm và kinh tế vĩ mô để tìm ra các trái phiếu/chiến lược đầu tư tiềm năng. Mục tiêu của Quỹ nhằm đến là lợi nhuận tương đương hoặc tốt hơn 3 trong 4 chỉ số tham chiếu, bao gồm chỉ số trái phiếu thanh khoản DC, chỉ số VGB 1 năm, 2 năm và 5 năm. Quỹ VDeF A chỉ đầu tư vào trái phiếu chính phủ (TPCP) và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh. Trong khi Quỹ VDeF B có mục tiêu đầu tư rộng hơn, bao gồm cả Trái phiếu Doanh nghiệp.

Tóm tắt kết quả hoạt động (NAV) (*)

Đơn vị tiền tệ: VND

	VDeF A	VDeF B	VDeF A	VDeF B	Chỉ số TP	1 năm	2 năm	5 năm
	LN ròng	LN ròng	LN Gộp	LN Gộp	Thanh khoản DC	VGB	VGB	VGB
Trong tháng	1.37%	1.32%	1.50%	1.47%	1.17%	0.68%	1.33%	1.69%
Từ đầu năm	11.72%	15.19%	13.66%	17.45%	12.34%	8.65%	12.51%	15.62%
So với cùng kỳ năm trước	11.72%	15.19%	13.66%	17.45%	12.34%	8.65%	12.51%	15.62%
Từ khi thành lập	80.05%	131.77%	103.90%	169.42%	80.75%	82.24%	89.62%	87.80%
Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR)	10.23%	14.94%	12.52%	17.84%	10.30%	10.45%	11.18%	11.00%
Độ lệch chuẩn hàng tháng	3.29%	1.84%	3.27%	1.84%	3.44%	1.06%	2.06%	3.77%
Chỉ số thông tin Quỹ	0.18%	13.33%	7.23%	21.94%	N/A	-1.39%	4.25%	8.28%

NAV/ chứng chỉ quỹ 23.964,061 31.242,365

(*) Số liệu được sử dụng nội bộ và chưa được kiểm toán. Tất cả chỉ số trái phiếu được thiết lập hàng Quý và trước thuế. Chỉ số thông tin được tính dựa trên chỉ số trái phiếu DC.

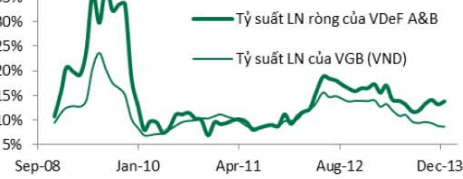
Nhận định thị trường Trái phiếu và hoạt động Quỹ (YTD)

Năm 2013 kết thúc khá mạnh với lãi suất Trái phiếu kỳ hạn 2 và 3 năm giảm khoảng 40 điểm cơ bản (bps), lãi suất kỳ hạn 5 năm giảm 20bps. Các kỳ hạn dài có lãi suất không thay đổi. Kho bạc nhà nước tạm ngưng đấu thầu trái phiếu kỳ hạn 2 năm và lập trung vào kỳ hạn 3, 5 năm trong khi thị trường vẫn có nhu cầu cao với kỳ hạn ngắn. Điều này khơi nguồn cho lãi suất trái phiếu kỳ hạn 2 năm giảm, sau đó đến kỳ hạn 3 năm rồi 5 năm. Với dòng giải ngân vốn vay yếu, các ngân hàng thương mại có ít lựa chọn đầu tư. Trái phiếu chính phủ trở thành một kênh trú ẩn khá an toàn. Bên cạnh đó thị trường rõ ràng cần sự điều chỉnh kể từ việc bán tháo trong quý 3 và 4. Trong Quý 2, lãi suất Trái phiếu kỳ hạn 2, 3 và 5 năm lần lượt chạm đáy tại 6.1%, 6.3% và 7.3%. Hiện nay đang ở mức 6.8%, 7.1% và 7.9%. Khả năng lợi suất trái phiếu giảm thấp hơn mức đáy của 2013 rất khó xảy ra do sự không chắc chắn của dự báo lạm phát, khả năng phục hồi giải ngân vốn vay và nguồn cung TPCP. Chúng tôi ước tính lượng giao dịch ở thị trường thứ cấp trong tháng 12 vào khoảng 85 triệu USD mỗi ngày, con số tương đối lớn. Trong khi đó, khối đầu tư nước ngoài vẫn khá im ắng với mức mua ròng nhỏ giọt, ước tính khoảng 30 triệu USD từ tháng 10 đến nay. Đáng chú ý là vào những tháng cuối quý 2 đầu quý 3 năm 2013, họ đã bán hầu hết lượng trái phiếu nắm giữ. Quỹ VDeF kết thúc năm 2013 khá tốt sau khi dịch chuyển từ kỳ hạn 2-2.5 năm lên 3-4.5 năm vào giữa tháng 12. Tổng quan cả năm 2013 VDeF A và B đều thể hiện tốt. Lợi nhuận gộp của VDeF A tốt hơn 3 trong 4 chỉ số tham chiếu còn VDeF B vượt hơn cả 4 chỉ số.

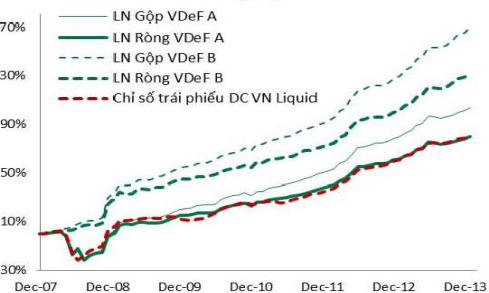
Chiến lược đầu tư và Phân bổ tài sản

Thị trường Trái phiếu Việt Nam còn trẻ, quy mô nhỏ và thanh khoản kém, thêm vào đó VDeF có quy mô nhỏ khiến cho mục tiêu đa dạng hoá đi kèm với thanh khoản tốt luôn là thách thức lớn. Chính sách đầu tư của Quỹ cho phép đầu tư tối đa 20% tài sản vào một loại trái phiếu, nhưng nhà quản lý tự giới hạn ở mức chỉ 10%. Việc đảm bảo thanh khoản cho một loại trái phiếu cũng như toàn bộ danh mục luôn là điều cần thiết, và để thực hiện việc này DC đã tự phát triển mô hình đánh giá mức độ thanh khoản. Đối với Trái phiếu Doanh nghiệp, Quỹ sử dụng mô hình đánh giá khả năng vỡ nợ, kết hợp phân tích cơ bản và cả các yếu tố liên quan đến quản trị Doanh nghiệp. Các phân tích này kết hợp với báo cáo thanh khoản thị trường sẽ được trình lên Hội đồng Tư vấn Đầu tư để quyết định. Đối với trái phiếu chính phủ, tình hình kinh tế vĩ mô sẽ được dự đoán cho giai đoạn 3-6 tháng và sau đó được áp dụng cho các mục tiêu đầu tư.

TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CỦA TP VGB VND 1 năm YoY sv Tỷ SUẤT ĐẦU TƯ RÒNG CỦA QUỸ VDEF YoY (từ T12/2008)



SƠ SÁNH TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TỪ KHI THÀNH LẬP (VND)



Thông tin Quỹ

Tên Quỹ	Quỹ Trái phiếu Việt Nam	Quản lý Quỹ	Dragon Capital — Debt Management Limited
Loại Quỹ	Quỹ có các danh mục đầu tư riêng biệt, đăng ký tại Cayman Islands	Phi Quản lý	0.8% of NAV đối với VDeF A, 1.2% đối với VDeF B
Giao dịch Quỹ	Quỹ tương tự dạng mở (Quasi open-ended) Đăng ký mua: hàng quý, thông báo trước 1 tháng Giao dịch bán: tương tự với tổng cộng không quá 25%NAV/ 1 kỳ rút vốn. Cổ tức: hàng năm Đơn vị tiền tệ tham chiếu: USD	Thương hoạt động	10% số vượt trên tỷ suất sinh lời yêu cầu bằng USD cho một kỳ tính lãi thường, với VDeF A là 8% và VDeF B là 10%.
Mục tiêu Quy mô Quỹ	Mục tiêu ban đầu tối đa 150 triệu đô la Mỹ	Thông báo NAV	Hàng tháng
Ngày hoạt động	Tháng 12 năm 2007	Ngân hàng quản trị Quỹ	Standard Chartered
		Ngân hàng giám sát	Standard Chartered
		Công ty kiểm toán	KPMG Việt Nam
		Niêm yết	Irish Stock Exchange

Đội ngũ đầu tư

Dan Svensson	Quản lý Quỹ	Lê Anh Tuấn	Giám đốc	Giám đốc nghiên cứu/ Kinh tế trưởng
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Chuyên viên cao cấp	Phu Trách thị trường	Võ Nguyễn Khoa Tuấn	Chuyên viên
Lê Thị Hoa	Chuyên viên cao cấp	Phụ trách danh mục	Diệp Quốc Khang	Chuyên viên
				Phụ trách giao dịch

DRAGON CAPITAL MARKETS LIMITED
1301 Mễ Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: +84 8 3823 9355 Fax: +84 8 3823 9366

LIÊN HỆ
Dan Svensson
ĐT: +84 909 997 011
debt@dragoncapital.com

© Dragon Capital 2012

Tài liệu này được chuẩn bị bởi Dragon Capital Markets Limited đại diện cho Dragon Capital Debt Management Limited. Tài liệu này nhằm đánh giá các khoản đầu tư tại Việt Nam và không phải là một bản cáo bạch hay bản chào hay lời mời cho việc mua chứng chỉ quỹ và tài liệu này và các thông tin bao gồm trong tài liệu này không là cơ sở cho bất kỳ dạng giao kết hoặc cam kết nào. Các thông tin bao gồm trong tài liệu này chỉ nhằm cung cấp thông tin và sẽ được cập nhật, thay đổi và bổ sung, và không có bất kỳ nghĩa vụ phát sinh từ việc trình bày lại, đảm bảo, diễn giải hoặc ngụ ý nào được thực hiện bằng cách sử dụng tài liệu này được chấp nhận bởi Dragon Capital Markets Limited Dragon Capital hay bởi

**PHỤ LỤC 2 : DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH
CỦA QUỸ VFMVFB VIỆT NAM (VFMVFB)**

(áp dụng từ khi Quỹ đầu tư VFMVFB được cấp giấy phép từ UBCKNN đến khi có thông báo mới)

Chứng chỉ Quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) được phân phối thông qua các đại lý chính thức sau:

1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM – VietFund Management

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, TP. HCM, Việt Nam.
- Điện thoại: (08) 3825 1488
- Fax: (08) 3825 1489

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH – HSC

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (08) 3823 3299
- Fax: (08) 3823 3301

Chi nhánh tại Hà Nội:

- Địa chỉ: Lầu 4-5, toà nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3922 4693
- Fax: (04) 3933 4822

3. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 3 - Tòa nhà Maritime bank, 180-194 Nguyễn Công trứ, Q1, HCM
- Điện thoại: 08 3914 8585
- Fax: 08 3821 6898

Chi nhánh tại Hà Nội:

- Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Hà nội
- Điện thoại: (84-4) 3974-4448
- Fax : (84-4) 3974-4501

4. Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt

Trụ sở chính tại Tp Hồ Chí Minh

- Địa chỉ : Tòa nhà VietDragon, 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại : (08) 6299 2006
- Fax : (08) 6291 7986

5. Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính tại Tp Hồ Chí Minh

- Địa chỉ : Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 02 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại : (08) 3914 3588
- Fax : (08) 3914 3209

Chi nhánh tại Hà Nội:

- Địa chỉ :Tòa nhà capital, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (04) 6262 6999
- Fax : (04) 6278 2688

6. Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)

Hội sở tại Hà Nội

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – Hội sở
- Địa chỉ: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04 3773 7070
- Fax: 04 37739058

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – Văn phòng Hồ Chí Minh
- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Ben Thanh Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 6.290 8686 / 3.915 2626
- Fax: (84-8) 6.291 0607